

Số: 119 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Định hướng Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030

Thực hiện nội dung Công văn số 1488/VPCP-NN ngày 27/02/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế tập thể hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030; Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1420/BKHĐT-HTX ngày 05/03/2020 về triển khai Kế hoạch xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ (KTTT) GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Tình hình chung

a) Về tổ hợp tác (THT)

Trên địa bàn tỉnh hiện có 34 tổ hợp tác¹ (Chưa kể tổ đoàn kết trên biển), hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và thủy lợi, dệt thổ cẩm. Ngoài ra, còn có hàng trăm tổ đội ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển tiếp tục khai thác hải sản, phát triển kinh tế, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn trên biển.

Tận dụng lợi thế tại địa phương, các THT phát triển sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống cho thành viên. Các THT nông nghiệp đã đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp, giảm lượng nước thất thoát trong tưới tiêu, góp phần duy trì và nâng cao sản lượng sản xuất cho nông dân. Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của các THT vẫn còn nhiều hạn chế: số lượng THT ít, chất lượng, hiệu quả hoạt động và lợi ích đem lại cho thành viên còn thấp, chưa có sự gắn kết giữa các THT với nhau hay giữa THT với HTX.

b) Về hợp tác xã (HTX)

Ước đến thời điểm 31/12/2020 có 255 HTX, giảm 7,3% so với thời điểm 31/12/2011², trong đó có 12 HTX thành lập mới, 06 HTX giải thể. Số HTX

¹ Chia ra: huyện Sơn Hà có 15 THT, Tp Quảng Ngãi 3 THT, Sơn Tịnh 1 THT, Trà Bồng 12 THT, Ba Tơ 3 THT.

² Cùng cố lại theo Luật HTX năm 2012 nhiều HTX hợp nhất, sáp nhập, giải thể.

đã tổ chức, đăng ký lại theo Luật HTX năm 2012 chiếm 97% (kể cả số lượng HTX thành lập mới sau năm 2012).

- Về số lượng thành viên và lao động: Số thành viên HTX dự kiến đến 31/12/2020 là 310.687 thành viên, giảm 16,3% so với thời điểm 31/12/2011³; số lao động làm việc trong khu vực HTX là 3.609 người, tăng 30,6% so với thời điểm 31/12/2011.

- Doanh thu trung bình của 01 HTX ước đạt đến thời điểm 31/12/2020: 1.500 triệu đồng/năm.

- Lợi nhuận bình quân của HTX ước đạt đến thời điểm 31/12/2020: 75 triệu đồng/năm, tăng hơn 200% so với thời điểm 31/12/2011.

- Thu nhập bình quân từ lương của lao động làm việc thường xuyên trong HTX ước đạt 31 triệu đồng/năm, tăng hơn 300% so với thời điểm 31/12/2011.

- Tổng số HTX hoạt động hiệu quả: 52%

- Về cán bộ quản lý HTX: Đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành của HTX không ngừng tăng cả về chất và lượng, ngày càng trẻ hóa, trình độ chuyên môn cao. Ngoài việc tự đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực tại chỗ, các HTX cũng mạnh dạn cử cán bộ, thành viên có nhu cầu đi học các lớp trung cấp, đại học, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ. Bên cạnh đó, nhờ các chính sách ưu đãi, thu hút cán bộ có trình độ đại học về làm việc tại HTX nên chất lượng nguồn nhân lực của các HTX không ngừng được nâng lên, đã có gần 50 cán bộ trẻ dưới 35 tuổi về làm việc tại HTX.

- Những chuyển biến của HTX về phương thức hoạt động, đầu tư, liên kết, liên doanh, sản xuất gắn với chuỗi giá trị của HTX với các thành phần kinh tế khác: Có 40/201 HTX nông nghiệp có tham gia liên kết với doanh nghiệp với quy mô 1.324 ha⁴. Trong các sản phẩm nông nghiệp, lúa là cây trồng được thực hiện liên kết thông qua hình thức tổ chức nhiều nhất với 34 HTX tham gia với diện tích 941 ha. Tuy nhiên, hiện tại việc thực hiện liên kết trong tiêu thụ sản phẩm và hình thành chuỗi giá trị sản phẩm còn thấp, các hình thức liên kết trong sản xuất còn lỏng lẻo, thiếu tính ràng buộc, quy mô, phạm vi liên kết còn ở dạng mô hình.

Phát triển kinh tế HTX đã thực sự trở thành chỗ dựa tin cậy cho thành viên và nông dân, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển sản xuất, giảm nghèo, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho thành viên. Đặc biệt, nhiều HTX đã cùng chính quyền địa phương thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng và con vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, dồn điền đổi thửa, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn góp

³ Từ khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực một số HTX đã tiến hành củng cố lại hoạt động đã hợp nhất, sáp nhập, giải thể; một số HTX rà soát lại thành viên, chỉ giữ lại những thành viên có tâm huyết và có nhu cầu sử dụng chung các dịch vụ của HTX; các HTX hoạt động trong lĩnh vực điện phần lớn phải giải thể, chuyển giao cho Điện lực quản lý theo chủ trương chung.

⁴ gồm 34 HTX liên kết về trồng trọt với quy mô 1.071ha, tổng khối lượng nông sản được tiêu thụ trên 12.500 tấn; 03 HTX liên kết sản xuất gỗ, quy mô: 200 ha; 03 HTX liên kết dịch vụ thủy sản, quy mô: 2 ha

phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm

- Vai trò của HTX trong phát triển kinh tế hộ thành viên, kinh tế xã hội tại địa phương tạo công việc làm, an sinh xã hội.

- Những hạn chế, khó khăn và vấn đề mới phát sinh của HTX hiện nay.

Nhiều HTX gặp nhiều khó khăn về vốn, tài sản, nguồn nhân lực, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng dịch vụ, ... tài sản phần lớn là nhà, kho đã xuống cấp trầm trọng, hiệu quả hoạt động và lợi nhuận chưa cao.

Nhiều HTX chưa thực sự phát huy tốt tiềm năng, lợi thế của mình, chưa thể hiện đầy đủ vai trò, vị trí quan trọng của HTX trong phát triển kinh tế xã hội nói chung và tham gia các chương trình.

Lợi ích HTX đem lại cho thành viên chưa cao, vẫn còn một số HTX tồn tại hình thức, hoạt động chưa hiệu quả.

2. Tình hình phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực

a) Đối với HTX nông nghiệp:

Ước đến thời điểm 31/12/2020 có khoảng 201 HTXNN⁵, tăng 17 HTX so với thời điểm 31/12/2011. Hầu hết các HTX đã chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX 2012, còn 6 HTX ngừng hoạt động lâu ngày đưa vào diện giải thể.

Sau 10 năm hoạt động, HTXNN trên địa bàn tỉnh đã được củng cố, kiện toàn lại bộ máy quản lý để phù hợp với tình hình mới; nội dung hoạt động của một số HTXNN đã được mở rộng thêm nhiều dịch vụ, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thành viên trong một số khâu dịch vụ đầu vào sản xuất; phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, hỗ trợ có hiệu quả cho kinh tế hộ phát triển, nâng cao thu nhập cho nông dân. Nhiều HTXNN đã trở thành đầu mối quan trọng trong việc tổ chức thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

HTXNN trên địa bàn tỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả chưa cao nhưng đã phát huy được vai trò kết nối cộng đồng ở nông thôn trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần quan trọng trong việc thực thi các chính sách về phát triển kinh tế nông thôn, chính sách giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

b) Đối với HTX giao thông vận tải

Ước đến ngày 31/12/2020 có 12 HTX hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải. Số thành viên HTX tính đến 31/12/2020 là 315 thành viên, giảm 156 thành viên so với năm 2011.

Tổng số vốn hoạt động của HTX là 200 tỷ đồng, tăng 110 tỷ đồng so với năm 2011, vốn sở hữu chung của HTX thấp, xã viên góp vốn điều lệ rất ít, bình quân mỗi xã viên góp vốn là 500.000 đồng.

⁵ Trong □: 13 HTX trồng trọt, 01 HTX chăn nuôi, 02 HTX diêm nghiệp, 11 HTX nuôi trồng v□ khai thác thủy sản và 174 HTX trồng h□p.

Tổng doanh thu của các HTX đạt 81 tỷ đồng, tổng lợi nhuận đạt hơn 7 tỷ đồng, tăng 40 tỷ đồng so với năm 2011; thực hiện chính sách thuế và nghĩa vụ với nhà nước đạt 5,5 tỷ đồng. Trong đó doanh thu của HTX vận tải đường thủy đạt hơn 30 tỷ, lợi nhuận hơn 03 tỷ đồng.

Thu nhập bình quân của HTX đạt 12 tỷ đồng, thu nhập bình quân của xã viên 6.100.000 đồng/người/tháng, so với năm 2011 tăng 3.000.000 đồng/người/tháng.

Hiện nay, các HTX GTVT hoạt động ổn định, năng lực được nâng cao thông qua việc huy động vốn, tài sản, phương tiện của các xã viên, đổi mới phương thức tổ chức quản lý. Tuy nhiên, không ít HTX GTVT đang gặp nhiều khó khăn trong việc định hướng phát triển, xây dựng phương án kinh doanh.

c) Đối với HTX thương mại dịch vụ, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 33 hợp tác xã đang hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, điện. Trong đó: HTX thương mại tổng hợp, dịch vụ, điện: 24 HTX; HTX công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 09 HTX.

Các HTX duy trì hoạt động trên địa bàn hoạt động và có bước phát triển, cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu khách hàng, chất lượng hàng hóa, sản phẩm ngày càng đáp ứng người tiêu dùng và thị trường tiêu thụ. Một số HTX hoạt động tương đối hiệu quả, góp phần vào sự phát triển kinh tế hộ thành viên, giải quyết được nhiều công ăn việc làm cho lao động với thu nhập bình quân của người lao động trong HTX đạt 5-7 triệu đồng/người/tháng. Mặc dù vậy vẫn có một số HTX năng lực còn hạn chế, cạnh tranh kém, khó khăn trong tiếp cận thị trường.

d) Đối với quỹ tín dụng nhân dân (TDND)

Các quỹ TDND hoạt động ổn định và phát triển nhanh nhất trong các loại hình KTTT. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 13 quỹ TDND; tổng nguồn vốn hoạt động đạt 639.133 triệu đồng, tăng 7,24% so với năm 2019; tổng dư nợ cho vay 433.743 triệu đồng, giảm 1,5%; đáp ứng nhu cầu vốn cho 2.232 lượt thành viên vay vốn; dư nợ bình quân 1 thành viên 74,5 triệu đồng; lợi nhuận bình quân đạt 136,9 triệu đồng/quỹ, chất lượng tín dụng tốt, tỷ lệ nợ xấu 0,34% so với tổng dư nợ.

Các quỹ TDND đã chú trọng nâng cao năng lực quản trị và điều hành, thực hiện tốt các quy định của ngân hàng nhà nước. Phương thức hoạt động linh hoạt, nhạy bén, hoạt động các quỹ TDND đã phát huy vai trò của mình trong giải quyết vấn đề thiếu vốn cho thành viên, phát huy hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nhiều năm nay, chưa thành lập mới được quỹ TDND.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU VỰC KTTT, HTX

1. Cơ sở pháp lý

a) Giai đoạn từ 2011 - 2012

Thực hiện Luật HTX ngày 26/11/2003, tỉnh đã ban hành một số văn bản, xây dựng một số chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích phát triển HTX, cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 10/12/2012 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015;

- Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 20/4/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ giai đoạn 2011 – 2015;

- Công văn số 1647-CV/TU ngày 28/3/2013 của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/2/2013 của Bộ Chính trị;

b) Giai đoạn từ 2013 - 2020

Thực hiện Luật HTX năm 2012, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013. Tỉnh đã xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 cũng như các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX xác định *gắn sản xuất với chế biến, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác liên kết, hợp tác xã. Cùng cố kinh tế hợp tác, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế;*

- Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 - 2020;

- Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2014-2020;

- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ giai đoạn 2015 – 2020;

- Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 - 2020;

- Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp và HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020.

Ngoài ra, Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc các cấp ủy đảng, sở, ngành, địa phương, đơn vị về việc thực hiện Nghị quyết.

2. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX

a) Giai đoạn 2011-2012

Trong giai đoạn này, tuy có một số cơ chế chính sách hỗ trợ HTX được ban hành nhưng tỉnh không có kinh phí bố trí để hỗ trợ cho các hợp tác xã.

b) Giai đoạn 2013- 2020

b1) Chính sách hỗ trợ chung đối với các HTX

Giai đoạn 2013 – 2020, ngân sách nhà nước đã hỗ trợ chung phát triển HTX với tổng kinh phí 11.058,9 triệu đồng. Trong đó:

- *Hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực*: Tổng kinh phí hỗ trợ là 5.169 triệu đồng⁶. Hỗ trợ đối với các chức danh trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc HTX, Ban kiểm soát, kế toán trong các HTX được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng hàng năm; Hỗ trợ bồi dưỡng đào tạo cho các đối tượng là cán bộ trẻ đã tốt nghiệp đại học, có nguyện vọng và cam kết làm việc lâu dài tại HTX.

- Hỗ trợ thành lập mới HTX:

Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư theo Quyết định 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ và vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã bố trí kinh phí cho tư vấn, hỗ trợ thành lập mới HTXNN, với tổng kinh phí 1.068,9 triệu đồng⁷

- *Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động của HTX*: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã bố trí 4.821 triệu đồng⁸ để hỗ trợ cho các HTX xây dựng phương án kinh doanh và tổ chức lại hoạt động.

b2) Về hỗ trợ đối với các hợp tác xã nông nghiệp, lâm, ngư, diêm nghiệp

Việc hỗ trợ đối với các hợp tác xã nông nghiệp, lâm, ngư, diêm nghiệp trong những năm qua còn rất hạn chế, nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình không có và một số nội dung hỗ trợ như hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ chế biến sản phẩm thông qua các chính sách khác cũng chưa được thực hiện. Trong khi đó nguồn kinh phí của địa phương vô cùng hạn hẹp, không đủ để bố trí hỗ trợ cho Chương trình.

⁶ Trong đó ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 4.508,3 triệu đồng, ngân sách địa phương là 615 triệu đồng, nguồn khác là 46 triệu đồng

⁷ Năm 2018: 300 triệu đồng, năm 2019: 263 triệu đồng, ước thực hiện năm 2020: 505,9 triệu đồng.

⁸ Giai đoạn 2015 – 2019 là 1926 triệu đồng, ước thực hiện năm 2020 là 2.895 triệu đồng.

Từ nguồn ngân sách trung ương dự phòng giai đoạn 2016 – 2020 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện các đề án, nhiệm vụ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng cho 31 HTX nông nghiệp với tổng kinh phí 44.144 triệu đồng⁹.

b3) Chính sách hỗ trợ đặc thù khác của địa phương

Giai đoạn 2013 – 2020, để thực hiện hỗ trợ phát triển HTX theo các chính sách tỉnh đã ban hành, tỉnh đã bố trí 11.650,5 triệu đồng. Trong đó:

- Thực hiện Quyết định 33/2015/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với tổng kinh phí 2.050,5 triệu đồng để hỗ trợ cho các HTX thuê cơ sở hạ tầng, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, hỗ trợ thuê đất, hỗ trợ tín dụng.

- Thực hiện Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014 - 2020 với các nội dung như: Hỗ trợ các hợp tác xã đầu tư cơ giới hóa, hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực HTX, hỗ trợ thành lập mới, sáp nhập, giải thể HTX, tuyên truyền Luật HTX...với tổng kinh phí là 9.600 triệu đồng.

Ngoài ra, UBND các huyện/thành phố hàng năm bố trí trong dự toán thu - chi ngân sách huyện/thành phố hỗ trợ phát triển HTX như: hỗ trợ các HTX nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, phát triển giống cây trồng, vật nuôi, phát triển mở rộng ngành nghề của HTX, thông qua các hoạt động của hệ thống khuyến nông.

3. Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp đồng bộ các ngành chức năng, các địa phương, khu vực kinh tế tập thể, HTX không ngừng củng cố, đổi mới, phát triển. UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển KTTT, HTX trên các lĩnh vực. Một số khó khăn, vướng mắc của kinh tế tập thể đã được nhiều cấp chính quyền quan tâm tháo gỡ.

Tuy nhiên, việc theo dõi, chỉ đạo trực tiếp để hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể ở cấp xã, cấp huyện ở một số địa phương chưa được chú ý. Nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể được ban hành nhưng HTX chưa được tiếp cận. Mặc dù có hệ thống văn bản pháp lý hướng dẫn nhưng quá trình triển khai thực hiện còn chậm. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật HTX và các văn bản pháp luật có liên quan chưa thường xuyên.

4. Hợp tác quốc tế về KTTT

Tỉnh đẩy mạnh phát triển hợp tác với các tổ chức hợp tác quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trên thế giới, để học tập kinh nghiệm chính sách hỗ trợ phát triển HTX, quản trị HTX, đào tạo cán bộ cho Liên minh HTX, hỗ trợ

⁹ Năm 2019 là 20.043 triệu đồng, năm 2020 là 22.101 triệu đồng.

cho các thành viên HTX, huy động nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế hợp tác, HTX trên địa bàn tỉnh, thực hiện các dự án để hỗ trợ cho các HTX nâng cao năng lực quản trị, xây dựng mô hình HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị.

Thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ hộ trồng rừng quy mô nhỏ hướng tới chuỗi giá trị sản phẩm CoC giai đoạn 2016 - 2019 do tổ chức FFD và AgriCord tài trợ tại 11 HTX vùng dự án trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã tiếp tục hỗ trợ cho các HTX phát triển ngành lâm nghiệp theo hướng bền vững và xúc tiến chương trình chứng chỉ rừng PEFC/CoC. Dự án là cơ sở, là tiền đề để tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững, Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản, Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, Kế hoạch quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng và Chính sách rừng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh trong những năm đến.

5. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể và Liên minh HTX tỉnh đối với phát triển KTTT, HTX

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể tỉnh cũng đã có những chương trình phối hợp với Liên minh HTX tỉnh để làm tốt việc vận động, giáo dục quần chúng tự nguyện tham gia kinh tế tập thể, HTX phát huy vai trò làm chủ trong các tổ chức kinh tế này. Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã từng bước khẳng định được vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tăng cường trách nhiệm của mình trong việc phát triển kinh tế tập thể, HTX.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX

1. Thành tựu, vị trí, vai trò của KTTT trong phát triển kinh tế - xã hội

a) Về kinh tế

Về cơ bản, các HTX đã tạo điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế thành viên và hộ gia đình, từng bước khắc phục một số mặt yếu kém của kinh tế hộ về vốn, công cụ, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất; hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh. Nhiều HTX đã chú trọng đầu tư ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa nông nghiệp, mở thêm các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ thiết thực cho lợi ích kinh tế thành viên và lợi ích cộng đồng.

Các HTX phi nông nghiệp được hình thành và từng bước thích ứng với quy luật vận động, phát triển của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, thực hiện theo Luật HTX năm 2012 nhằm tăng hiệu quả trong công tác điều hành, kinh doanh và tiếp cận thị trường. Trong điều kiện khó khăn hiện nay, các HTX vẫn duy trì, tổ chức hoạt động kinh doanh, dịch vụ hiệu quả, một số HTX mở rộng dịch vụ quản lý chợ, nước, vệ sinh môi trường,...

Các quỹ TDND, với phương thức hoạt động linh hoạt, nhạy bén, các quỹ đã cho thành viên vay đúng mục đích, phát huy hiệu quả kinh doanh, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

b) Về xã hội

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX góp phần tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo công ăn việc làm, xoá đói giảm nghèo, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, tín dụng đen trên địa bàn, đảm bảo an sinh xã hội.

HTX liên kết với doanh nghiệp giúp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất cho thành viên, đẩy mạnh hình thành và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm. Với một số dịch vụ như lúa giống, lâm nghiệp, giao thông nội đồng, xây dựng cơ bản, HTX góp phần giải quyết lao động tại địa phương. Với dịch vụ tín dụng nội bộ, các HTX đã hỗ trợ tốt nhu cầu về vốn cho các thành viên tại địa phương, giúp thành viên kịp thời trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời giảm thiểu tình trạng cho vay nặng lãi tại địa phương, với thủ tục đơn giản, nhanh gọn, điều kiện cho vay không quá khắt khe, đáp ứng yêu cầu vay vốn của hộ thành viên trong HTX.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của tỉnh, KTTT, HTX còn gặp những tồn tại, hạn chế:

- Kinh tế HTX phát triển chậm và còn nhiều yếu kém. Vốn điều lệ của HTX còn thấp, tài sản phần lớn là nhà, kho đã cũ, xuống cấp. HTX rất khó tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng. Chất lượng, hiệu quả hoạt động và lợi nhuận của các HTX chưa cao, một số HTX phải ngừng hoạt động.

- Đa số các HTX nông nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đầu vào, rất ít HTX cung cấp dịch vụ đầu ra. Phần lớn các HTX là HTX dịch vụ nông nghiệp được chuyển đổi từ loại hình HTX nông nghiệp toàn dân trước đây, sản xuất kinh doanh ít gắn với thị trường. Một số HTX không còn khả năng hoạt động, muốn giải thể nhưng còn vướng mắc về vốn góp, tài sản, công nợ.

- Chính sách hỗ trợ phát triển HTX chưa đủ mạnh để tăng hiệu quả khuyến khích phát triển HTX.

- Các HTX thương mại, vận tải, khai thác hải sản xa bờ gặp khó khăn về giao đất, cho thuê đất. Quy mô thành viên của các HTX mới thành lập còn thấp, số lượng HTX mới thành lập chỉ tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, một số ít đầu tư vào du lịch, Quỹ TDND hoạt động hiệu quả nhưng nhiều năm qua không có thành lập mới.

3. Nguyên nhân

a) Về pháp luật, cơ chế, chính sách

Có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển HTX của trung ương và của tỉnh nhưng nguồn kinh phí đầu tư hỗ trợ phát triển HTX còn thấp. Sự hỗ trợ của nhà nước chưa đủ mạnh để thúc đẩy kinh tế HTX phát triển.

b) Về tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách

Công tác tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế hợp tác, hợp tác xã chưa được thường xuyên.

Công tác quán triệt, triển khai các quan điểm, chính sách, pháp luật về

phát triển HTX chưa đồng bộ, một số địa phương, đơn vị chưa xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển KTTT, HTX

Chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với kinh tế HTX chưa thật sự tạo động lực thúc đẩy để các HTX phát triển. Ngân sách Trung ương chỉ hỗ trợ một phần, song nguồn hỗ trợ từ Trung ương còn quá ít so với nhu cầu thực tế trên địa bàn tỉnh, trong bối cảnh ngân sách địa phương còn hạn hẹp thì việc cân đối ngân sách để thực hiện hỗ trợ rất khó khăn, nội dung hỗ trợ chủ yếu tập trung vào công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Việc tiếp cận tín dụng vẫn là nội dung khó khăn nhất của các hợp tác xã. Hầu hết các HTX đều đang rất khát vốn để mở rộng sản xuất, nhưng không thể tiếp cận được chính sách hỗ trợ vay vốn từ các tổ chức tín dụng.

c) Về tổ chức, hoạt động của HTX

Trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn của cán bộ quản lý HTX, nhất là HTX nông nghiệp còn nhiều hạn chế. Đa số cán bộ quản lý HTX chưa qua đào tạo bài bản, một số cán bộ có trình độ chuyên môn còn hạn chế về năng lực thực tiễn, năng lực triển khai. Đội ngũ cán bộ quản lý điều hành HTX còn hạn chế về năng lực và không ổn định, phần lớn cán bộ quản lý chưa qua đào tạo còn nhiều, chương trình bồi dưỡng, tập huấn chưa được thường xuyên.

Các HTX chưa có giải pháp khắc phục khó khăn, phát huy nội lực, bổ sung vốn hoạt động, để vươn lên, chưa đổi mới nhận thức về HTX kiểu mới, còn nặng tư duy HTX kiểu cũ, tư tưởng còn trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước, thành viên HTX chưa thấy được trách nhiệm trong công việc xây dựng, phát triển HTX.

d) Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX

Bộ máy quản lý nhà nước từ tỉnh đến xã chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về kinh tế HTX, thiếu tính thống nhất, đa số cán bộ làm kiêm nhiệm, do vậy công tác tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng chính sách, chương trình, kế hoạch về phát triển kinh tế HTX chưa đáp ứng yêu cầu.

4. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn phát triển kinh tế HTX trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, có thể rút ra những kinh nghiệm chủ yếu sau đây:

- Nhận thức đúng, thống nhất về vị trí, vai trò, bản chất, nguyên tắc hoạt động của kinh tế HTX có tính quyết định đến sự phát triển kinh tế HTX. Thực tế cho thấy, những nơi làm tốt đều xuất phát từ việc nhận thức rõ về vị trí, vai trò của kinh tế HTX.

- Phát triển kinh tế HTX phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu hợp tác ở từng địa phương, tôn trọng các quy luật khách quan, không gò ép nhưng cũng không buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ, tạo điều kiện; chú trọng tổng kết nhân rộng mô hình hiệu quả nhưng không rập khuôn máy móc.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tập trung củng cố HTX hiện có, đến năm 2025 cơ bản đưa HTX thoát khỏi tình trạng yếu kém, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

- Thành lập mới các loại hình HTX trên các lĩnh vực, thành lập mới các HTX gắn với chuỗi giá trị; Củng cố, phát triển các HTX có quy mô thành viên lớn, tạo điều kiện cho HTX mở rộng, phát triển các dịch vụ và liên kết.

- Xây dựng và phát triển mô hình KTTT, HTX nhanh và bền vững; phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện đời sống thành viên; phát triển thành viên thông qua thu hút ngày càng nhiều nhân dân, hộ kinh tế cá thể và tổ chức tham gia KTTT, HTX.

2. Các mục tiêu cụ thể

- Thành lập mới 100 – 150 HTX và 150 – 300 THT.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của khu vực KTTT là 6 -10 %/năm.

- Doanh thu bình quân của HTX trong giai đoạn 2020 – 2025 tăng bình quân 10%/năm; trong giai đoạn 2025 – 2030 tăng bình quân 12%/ năm.

- Tỷ lệ cán bộ HTX đạt trình độ cao đẳng, đại học đạt trên 50 %.

- Phần đầu đến năm 2030 đạt 80% HTX hoạt động khá, tốt.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Định hướng chung

Phát triển kinh tế HTX phù hợp với cơ chế thị trường gắn với tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Không ngừng củng cố, đổi mới, phát triển KTTT, HTX cả về tổ chức, quản lý và hoạt động theo mô hình HTX kiểu mới.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên bộ vào xây dựng và phát triển sản phẩm, hàng hóa có giá trị tăng cao và sản phẩm từ nghề truyền thống thông qua mô hình hợp tác kiểu mới.

Kinh tế HTX ngoài mục tiêu phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập còn có tác động rất lớn trong việc thực hiện xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng an sinh xã hội, đảm bảo an ninh trật tự xã hội nên cần có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước.

2. Định hướng phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực chủ yếu

a) Định hướng chiến lược phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp.

Chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các HTX đã chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012; kiên quyết giải thể dứt điểm các HTX yếu kém; khuyến khích hình thành các HTX kiểu mới trong nông thôn gắn với cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển thế mạnh ở địa phương theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phát triển du lịch cộng đồng...

b) Định hướng chiến lược phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

Khuyến khích và hướng dẫn các HTX đẩy mạnh thực hiện liên doanh, liên kết giữa các HTX - người dân - doanh nghiệp để chủ động mở rộng thị trường góp phần thúc đẩy phát triển hàng hóa theo mô hình chuỗi giá trị.

Tổ chức tốt các hoạt động hỗ trợ HTX phát triển theo chương trình xúc tiến thương mại, khuyến công quốc gia và địa phương

c) Định hướng chiến lược phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực giao thông vận tải.

Định hướng phát triển mô hình HTX GTVT trên địa bàn tỉnh từ mô hình HTX dịch vụ hỗ trợ thành mô hình hỗn hợp giữa quản lý tập trung và dịch vụ hỗ trợ và tiến tới là mô hình quản lý tập trung, đây là mô hình có nhiều ưu điểm nhất, vừa tập trung được khâu quản lý, vừa bảo đảm an toàn giao thông.

d) Định hướng chiến lược phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực tín dụng.

Nâng cao trình độ cán bộ điều hành, quản lý Quỹ tín dụng nhân dân thông qua nhiều hình thức: đào tạo, thay thế. Đẩy mạnh việc tăng trưởng vốn điều lệ của các Quỹ tín dụng nhân dân, mở rộng quy mô và đại bàn hoạt động.

Phần thứ ba **GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN**

1. Về tuyên truyền nâng cao nhận thức về KTTT, HTX

Đổi mới công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế HTX từ thực tiễn các mô hình HTX hoạt động có hiệu quả. Đa dạng hóa công tác tuyên truyền tập huấn pháp luật về HTX

Các sở, ngành và địa phương tăng cường tuyên truyền cho các tầng lớp nhân dân, tập huấn cho cán bộ, đảng viên hiểu rõ bản chất, nguyên tắc, cơ chế hoạt động của HTX kiểu mới, vai trò và lợi ích của HTX; tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, cuộc thi tìm hiểu HTX, mở các chuyên san, chuyên mục kinh tế hợp tác, HTX trên các phương tiện thông tin đại chúng; tham gia triển lãm, hội chợ cấp quốc gia, vùng và địa phương để quảng bá, tiếp thị cho sản phẩm của HTX.

2. Về hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho HTX. Hỗ trợ cần có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải trong bố trí kinh phí.

Xây dựng khung pháp lý lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình, dự án để hỗ trợ các mô hình HXT sản xuất gắn với chuỗi giá trị như Chương trình MTQG xây dựng NTM, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Chủ động bố trí nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ các HXT, thu hút doanh nghiệp tham gia phát triển KTTT.

3. Về nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX

Cần kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy tham mưu quản lý nhà nước về kinh tế HTX các cấp để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế HTX trong giai đoạn mới, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về kinh tế HTX.

Cấp ủy, chính quyền địa phương phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong chỉ đạo phát triển kinh tế hợp tác, HTX. Có bộ phận chuyên trách hoặc giao thêm nhiệm vụ cho các phòng, ban thuộc cấp mình phụ trách quản lý nhà nước đối với các HTX phi nông nghiệp để có sự hỗ trợ kịp thời cho các HTX này phát triển.

4. Về nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, xây dựng mô hình hợp tác xã hiệu quả và tổng kết mô hình

Tăng cường liên kết, hợp tác để phát triển KTTT, nhất là HTX, THT với các doanh nghiệp nâng cao chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng yêu cầu sự phát triển chung của đất nước.

Phát triển HTX gắn liền với xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu. Tạo điều kiện thuận lợi để HTX được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, và các nguồn vốn khác để hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng các dịch vụ phục vụ kinh tế hộ thành viên.

HTX tăng cường các nguồn lực, ứng dụng khoa học – kỹ thuật để phát triển dịch vụ kỹ thuật, tài chính, thị trường ..., nâng cao chất lượng và hiệu quả sản phẩm, hàng hóa chủ lực, truyền thống phù hợp với nhu cầu thị trường.

5. Về huy động nguồn lực xã hội để phát triển KTTT, HTX

Cần có chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho HTX, với nhiều giải pháp mang tính chiến lược. Cụ thể như: có chính sách hỗ trợ thu hút người có trình độ chuyên môn giỏi, đạo đức tốt về làm tại các HTX để tham gia hoạt động quản lý, điều hành và hỗ trợ HTX phát triển. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại; tăng cường hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp với HTX để mở rộng thị trường tiêu thụ và giao lưu, nâng cao trình độ quản lý, quản trị HTX theo hướng hiện đại.

Tập trung nguồn lực từ các tổ chức đơn vị để hỗ trợ mô hình HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị sản phẩm. Không nên phân tán nguồn lực kinh phí ở nhiều đơn vị mà cần tập trung, đồng thời lựa chọn những HTX có đủ năng lực xây dựng chuỗi giá trị để đầu tư. Kêu gọi sự hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ để nâng cao năng lực nguồn tài chính cho HTX thực hiện thành công chuỗi giá trị sản phẩm.

6. Về phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT

Các cấp và tổ chức đoàn thể đều có trách nhiệm quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tạo nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò kinh tế tập thể, HTX; thường xuyên kiểm tra, định kỳ sơ kết,

tổng kết hàng năm, 5 năm, 10 năm về KTTT, HTX, đẩy mạnh nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể, HTX làm ăn có hiệu quả; từng bước xây dựng và hình thành tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể trong các tổ chức KTTT, HTX.

7. Về tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Tập trung chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ, năng lực về chính trị và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ của Liên minh Hợp tác xã tỉnh. Cơ cấu bố trí phân công lại cán bộ phù hợp với tổ chức bộ máy của cơ quan, đảm bảo thống nhất, liên kết và hợp tác chặt chẽ; đổi mới năng lực điều hành của Liên minh HTX.

8. Về tăng cường hợp tác quốc tế về KTTT

Tiếp tục huy động mọi nguồn lực xã hội để phát triển KTTT, HTX, bao gồm nguồn lực trong nước, phát triển hợp tác quốc tế về KTTT, HTX. Tranh thủ nguồn lực quốc tế để hỗ trợ các HTX, khuyến khích và tạo điều kiện hợp tác quốc tế trong phát triển KTTT, HTX nhất là việc tiếp thu kinh nghiệm của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào HTX mạnh. Tiếp thu các hỗ trợ phát triển trong việc thành lập và nâng cao năng lực HTX...

Duy trì tốt mối quan hệ hiện có với các tổ chức quốc tế và tranh thủ sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế về tài chính, trang thiết bị, kỹ thuật... Bên cạnh đó không ngừng mở rộng, tìm kiếm các đối tác mới để hỗ trợ cho kinh tế HTX phát triển.

9. Về xây dựng chương trình, dự án mang tính đột phá

Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn mới là phát triển kinh tế HTX phù hợp với cơ chế thị trường gắn với tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Xây dựng mối liên kết giữa kinh tế hộ gia đình, HTX và doanh nghiệp.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành

Phối hợp với các đơn vị, các huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn cho người quản lý trong các HTX thực hiện tốt các quy định của pháp luật về HTX. Kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ phát triển các HTX trong các lĩnh vực.

Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh về kinh phí hỗ trợ phát triển HTX, xây dựng các cơ chế chính sách liên quan đến KTTT, đặc biệt là Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

2. UBND huyện, thị xã, thành phố

Sắp xếp, bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước trên địa bàn huyện, thành phố về HTX.

Tạo điều kiện cho các HTX tham gia hoạt động một số dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng nông thôn mới.

3. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp với các thành viên BCD phát triển kinh tế tập thể, sở, ngành và UBND các huyện, thành phố liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền các Chỉ thị, Quyết định của Đảng và Nhà nước về KTTT bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân về vai trò và tầm quan trọng của KTTT trong sự nghiệp phát triển đất nước; nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới, hoạt động hiệu quả, bền vững.

Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012, các chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh về KTTT; thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật HTX năm 2012; triển khai thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh.

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên minh HTX tỉnh;
- TV BCĐ PT KTHTX tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (NN), CB-TH;
- Lưu: VT, NNTN(ph11).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính

PHỤ LỤC 1
CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020
 (Kèm theo Báo cáo số 49
 /BC-UBND ngày 02 /7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm										Tốc độ tăng/giảm giai đoạn			
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020				
I	Hợp tác xã (HTX)															
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%														
2	Tổng số HTX	HTX	275	275	272	263	245	226	232	241	249	255				
	<i>Trong đó:</i>															
	Số HTX đang hoạt động	HTX	238	238	235	228	217	197	204	215	230	235				
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX	37	37	37	35	28	29	28	26	19	20				
	Số HTX thành lập mới	HTX	3	0	6	8	6	16	10	11	19	12				
	Số HTX giải thể	HTX	2	0	6	2	2	4	4	4	7	6				
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	110	115	68	105	112	108	116	125	149	165				
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	371,047	371,047	371,000	370,367	348,476	319,785	318,075	316,540	313,567	310,687				
	<i>Trong đó:</i>															
	Số thành viên mới	Thành viên														
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên														
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên														
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên														
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	2,763	2,763	3,287	4,343	3,311	3,130	3,095	3,560	3,589	3,609				
	<i>Trong đó:</i>															
	Số lao động thường xuyên mới	Người														
	Số lao động là thành viên HTX	Người														
5	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng	306,571	452,276	593,413	618,410	643,305	668,201	681,100	693,000	722,100	736,600				
6	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng	443,066	472,200	700,000	710,000	720,000	730,000	740,000	850,000	871,500	890,000				
7	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm	950	980	1,015	1,010	1,100	1,200	1,200	1,300	1,400	1,500				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm										Tốc độ tăng/giảm giai đoạn				
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020					
	<i>Trong đó:</i>																
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm	24	26	40	61	61	61	61	61	61	60	65	70	75		
8	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm															
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	8	8	9	10	18	20	22	24	30	31					
10	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	1,650	1,650	1,500	1,578	1,351	1,135	1,153	1,593	1,623	1,617					
	<i>Trong đó:</i>																
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	482	493	525	533	542	555	576	636	699	733					
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	34	82	105	118	115	127	138	178	194	230					
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người															
II	Tổ hợp tác (THT)																
1	Tổng số THT	THT															
	<i>Trong đó:</i>																
	Số THT thành lập mới	THT															
	Số THT có đăng ký thành lập	THT															
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên															
3	Tổng số lao động trong THT	Người															
4	Doanh thu bình quân một THT	Tr đồng/năm															
5	Lãi bình quân một THT	Tr đồng/năm															

Phụ lục 2

SỞ LIÊN LẠC HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC

PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2011 - 2021

(Kèm theo Báo cáo số 349 /BC-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Chi tiêu	Thực hiện năm											Tốc độ tăng/giảm giai đoạn		
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020				
I	Hợp tác xã (HTX)														
	Tổng số HTX	HTX	275	275	272	263	245	226	232	241	249	255			
	Chia ra:														
1	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	196	196	195	197	188	170	175	184	191	197			
2	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	7	7	7	7	8	8	8	8	9	9			
3	Hợp tác xã xây dựng	HTX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
4	Hợp tác xã tín dụng	HTX	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13			
5	Hợp tác xã thương mại	HTX	35	35	46	36	26	24	24	24	24	24			
6	Hợp tác xã vận tải	HTX	11	11	11	10	10	11	12	12	12	12			
7	Hợp tác xã môi trường	HTX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
8	Hợp tác xã nhà ở	HTX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
9	Hợp tác xã khác	HTX	13	13	-	-	-	-	-	-	-	-			
II	Tổ hợp tác (THT)														
	Tổng số THT	THT													
	Chia ra:														
1	THT nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT													
2	THT công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT													
3	THT xây dựng	THT													
4	THT tín dụng	THT													
5	THT thương mại	THT													
6	THT vận tải	THT													

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm									Tốc độ tăng/giảm giai đoạn		
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020	
7	THT môi trường	THT												
8	THT nhà ở	THT												
9	THT khác	THT												

Phụ lục 3

TỔNG HỢP CHỈ SỐ CHỖ TRỢ KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

(Kèm theo Báo cáo số 19 /BC-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tỉnh	Kết quả thực hiện												
			Giai đoạn 2011 - 2012			Giai đoạn 2013 - 2014			Giai đoạn 2015 - 2019			Ước thực hiện năm 2020			
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NTM	Khác	NTM	Khác	NSTW	NTM	Khác	NTM	Khác	
TỔNG															
I	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX														
1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX														
1.1	Số người được cử đi đào tạo	Người													
1.2	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người													
1.3	Thí điểm số cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã	Người													
	Số HTX được hỗ trợ thí điểm	HTX													
2	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	HTX													
3	Hỗ trợ về ứng dụng KHKT, công nghệ mới	HTX													

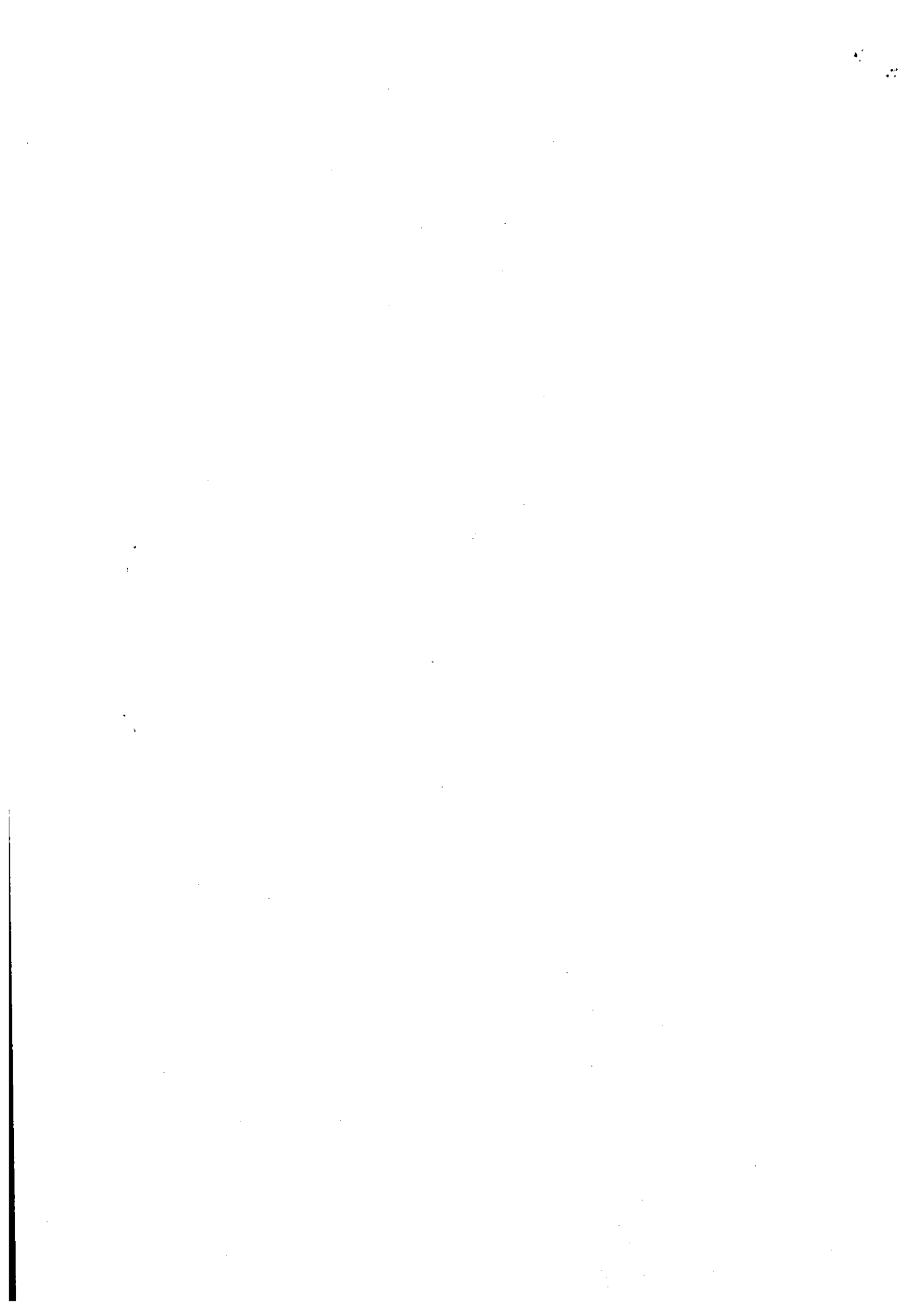
STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện															
			Giai đoạn 2011- 2012				Giai đoạn 2013 - 2014				Giai đoạn 2015 - 2019				Ước thực hiện năm 2020			
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
				NSTW	NSDP			NSTW	NSDP			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP
4	Hỗ trợ về tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	HTX																
	Số HTX được vay từ các tổ chức tín dụng	HTX																
	Số HTX được vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	HTX																
5	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế- xã hội																	
6	Hỗ trợ thành lập mới	HTX								563.0								
7	Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã	HTX								1,926.0				505.9				
														2,895.0				
II	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp																	
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng	HTX													22,101.0			
2	Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất																	
3	Ưu đãi tín dụng	HTX																
III	Chính sách hỗ trợ đặc thù khác của địa phương																	
1	Hỗ trợ theo Quyết định 31/2014/QĐ-UBND														9,600.0			
2	Hỗ trợ theo Quyết định 33/2015/QĐ-UBND													2,050.5				

STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện															
			Giai đoạn 2011 - 2012				Giai đoạn 2013 - 2014				Giai đoạn 2015 - 2019				Ước thực hiện năm 2020			
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	NSTW/1	NSDP/2	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	NSTW	NSDP	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	NSTW	NSDP	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	NSTW	NSDP

[1] Ngân sách Trung ương

[2] Ngân sách địa phương

[3] Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới



Phụ lục 4
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030
Kem theo Báo cáo số 419 /BC-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm										Tốc độ tăng/giảm giai đoạn			
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030				
I	Hợp tác xã (HTX)															
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%														
2	Tổng số HTX	HTX	260	263	270	275	280	288	295	310	320	330				
	<i>Trong đó:</i>															
	Số HTX đang hoạt động	HTX	240	243	250	255	260	268	275	290	300	310				
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX														
	Số HTX thành lập mới	HTX	15	15	15	15	15	10	15	15	10	10				
	Số HTX giải thể	HTX	10	12	8	10	10	2	8	-	-	-				
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	169	178	197	214	224	236	250	269	283	297				
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX														
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	307,837	304,387	302,137	299,287	296,437	295,937	293,687	293,837	293,937	294,037				
	<i>Trong đó:</i>															
	Số thành viên mới	Thành viên														
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên														
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên														
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên														
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	3,649	3,673	3,729	3,769	3,809	3,873	3,929	4,049	4,129	4,209				
	<i>Trong đó:</i>															
	Số lao động thường xuyên mới	Người														
	Số lao động là thành viên HTX	Người														
5	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng														
6	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng														
7	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm	1,650	1,800	1,900	2,100	2,300	2,500	2,800	3,200	3,500	4,000				
	<i>Trong đó:</i>															
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm														
8	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm	82	90	95	105	115	125	140	160	175	200				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm										Tốc độ tăng/giảm giai đoạn
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	35	45	48	52	58	63	70	80	88	100	
10	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người											
	<i>Trong đó:</i>												
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người											
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người											
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người											
II	Liên hiệp hợp tác xã (LH HTX)												
1	Tổng số LH HTX	LH HTX											
	<i>Trong đó:</i>												
	Số LH HTX thành lập mới	LH HTX											
	Số LH HTX giải thể	LH HTX											
	Số LH HTX hoạt động hiệu quả	LH HTX											
2	Tổng số HTX thành viên	HTX											
3	Tổng số lao động trong LH HTX	Người											
4	Tổng vốn hoạt động của LH HTX	Tr đồng											
5	Tổng giá trị tài sản LH HTX	Tr đồng											
6	Doanh thu bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm											
7	Lãi bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm											
III	Tổ hợp tác (THT)												
1	Tổng số THT	THT											
	<i>Trong đó:</i>												
	Số THT thành lập mới	THT											
	Số THT có đăng ký thành lập	THT											
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên											
3	Tổng số lao động trong THT	Người											
4	Doanh thu bình quân một THT	Tr đồng/năm											
5	Lãi bình quân một THT	Tr đồng/năm											

Phụ lục 5

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC

PHẦN ĐOÀI THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030



Kiểm theo Báo cáo số 49 /BC-UBND ngày 02 /7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm										Tốc độ tăng/giảm giai đoạn							
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030								
I	Hợp tác xã (HTX)																			
	Tổng số HTX	HTX	260	263	270	275	280	288	295	310	320	330								
	Chia ra:																			
	1	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	203	206	210	215	220	225	229	239	245	251							
	2	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	8	8	9	8	9	9	11	13	14	15							
	3	Hợp tác xã xây dựng	HTX																	
	4	Hợp tác xã tín dụng	HTX	13	13	13	13	14	14	14	14	14	15							
	5	Hợp tác xã thương mại	HTX	24	25	26	26	24	26	26	28	29	30							
	6	Hợp tác xã vận tải	HTX	12	11	12	13	13	14	15	16	18	19							
7	Hợp tác xã môi trường	HTX																		
8	Hợp tác xã nhà ở	HTX																		
9	Hợp tác xã khác	HTX																		
II	Liên hiệp hợp tác xã (LH HTX)																			
	Tổng số LH HTX	LH HTX																		
	Chia ra:																			
1	LH HTX nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LH HTX																		
2	LH HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LH HTX																		
3	LH HTX xây dựng	LH HTX																		
4	LH HTX tín dụng	LH HTX																		
5	LH HTX thương mại	LH HTX																		
6	LH HTX vận tải	LH HTX																		
7	LH HTX môi trường	LH HTX																		
8	LH HTX nhà ở	LH HTX																		

